

HỘI ÁI-HỮU BIÊN-HOÀ

Website: <https://www.bienhoatx.com>

Email liên lạc: datlam1951@yahoo.com

Hội Ái-Hữu Biên-Hoà hân hạnh giới thiệu đến quý vị bài: **Địa Hạt Biên-Hoà** trích từ quyển **Biên-Hoà Sử-Lược** của **Lương Văn Lự**, được đồng hương **Huỳnh H. Hiền** gửi về đóng góp trên diễn đàn Hội. Hội chân thành cảm tạ tác giả. Kính mời. **Trân trọng.**



Hình tác giả Lương Văn Lự

ĐỊA HẠT BIÊN-HOÀ

(Trích từ quyển **Biên-Hoà Sử-Lược** của Lương Văn Lự)

Huỳnh H. Hiền

Ngay sau khi chánh phủ thông báo chánh thức tin cho dân di cư vào đầu tháng 8 năm 1954, thì nhiều gia đình giàu có đã đi vào Nam bằng phương tiện riêng như: phi cơ, thuê bao thuyền bè...v.v.

Đại đa số những gia đình còn lại phải đợi ghi danh để đi bằng phi cơ và tàu biển quân vận của Hoa-Kỳ, Anh-Quốc, và Pháp-Quốc. Một cuộc di cư lớn xuất phát từ miền Bắc Việt-Nam, vào những ngày đầu tháng 8 năm 1954.

Phần đông dân di cư, họ là những người theo đạo Công-Giáo, những gia đình công nhân viên chức của chánh phủ Pháp. Ngày 4 tháng 8 năm 1954, cầu không vận nối liền giữa phi trường Tân-Sơn-Nhứt Sài-Gòn trong miền Nam với các sân bay Gia-Lâm (Bạch-Mai, Hà-Nội) và Cát-Bí (Hải-Phòng) miền Bắc. Nỗ lực này đã tạo nên cầu không vận lớn nhất thế giới lúc bấy giờ, (khoảng 1 ngàn 200 km đường chim bay), trung bình mỗi 6 phút là một chiếc phi cơ hạ cánh xuống Tân-Sơn-Nhứt, mỗi ngày có từ 2 ngàn đến 4 ngàn 200 người di cư đến, phi cảng đông nghẹt người. Tổng kết có 4 ngàn 280 lượt phi cơ hạ cánh, đưa vào Nam được 21 ngàn 3635 người đến nơi bằng đường hàng không.

Sau khi ông Ngô Đình Diệm nắm quyền lãnh đạo quốc gia, việc đầu tiên là dành ưu tiên cho “phong trào di cư” ở miền Bắc đã xuất phát từ ngày đầu tháng 8 năm 1954. Ngay sau đó ngày 9 tháng 8 năm 1954, ông lập ra Phủ Tổng Ủy Di Cư và Tị Nạn, tương đương cấp Bộ trong Nội Các Chánh Phủ, đặt đại diện trong ba miền: Nam, Trung và Bắc, xúc tiến trong công việc định cư. Để yểm trợ phong trào, tổng thống lập ra “Ủy Ban Hỗ Trợ Định Cư”, là một tổ chức tư nhân, quản trị cứu trợ.

Trạm tạm cư đầu tiên lớn nhất, dựng lều đặt trại tại khoảng đất trống cạnh Trường Đua Phú-Thọ (Sài-Gòn). Nơi đây người dân di cư được cung cấp tiền chi tiêu hàng ngày cho mỗi đầu người, người lớn được lãnh 12 đồng bạc, trẻ em thì 6 đồng. Với số tiền này ngày ăn hai bữa nơi quán cơm xã hội, hai món canh một món

mặt chỉ trả có 5 đồng. Từ nơi tạm cư này, người nào đến trước thì được xe vận chuyên cho đi trước, sau cho đi sau, họ được phân phối đến nhiều địa phương ở miền Đông và ngoại ô Sài-Gòn.

Tại Biên-Hoà, khu vực thu nhận người dân về đây định cư, họ được vận chuyên bằng nhiều chuyến xe vận tải tập nập, ngày lẫn đêm, đưa đến nhiều địa phương trong tỉnh, mỗi nơi đều có người tiếp đón hướng dẫn cho nơi tạm trú. Cuộc đón tiếp rông rả trên 60 ngày liên tiếp, người dân di cư được đưa đến những nơi đã hoạch định sẵn từ trước, lập ra làng xã mới. Từng lớp người tới sau, tiếp theo họ cũng được đưa thẳng vào nơi trung tâm định cư vĩnh viễn ở các quận trong tỉnh như: Đức-Tu, Dĩ-An, Vĩnh-Cửu, Long-Thành, Nhơn-Trạch, Xuân-Lộc, Tân-Uyên, Bà-Rá (Sông Bé). Đến những vùng đất đã được khai phá từ rừng hoang, đất thổ, bàu đầm.

Người dân di cư, họ lấy tên của làng xã nơi quê hương cũ của mình đem đặt tên cho làng xã mới của mình. Nơi đây họ xây dựng lại đời sống văn hoá, tôn giáo, in nguyên như họ đã từng có thói quen tập quán trước kia khi còn ở quê hương miền Bắc. Các giáo xứ trong cộng đồng đoàn kết xã hội. Những người theo đạo, họ không mất niềm tin yêu nơi Thiên-Chúa, xây dựng lại nhà thờ Công-Giáo, tin tưởng vào đức Chúa Trời, sau khi thoát nạn Cộng-Sản, để rồi có những ngày sáng sủa tươi đẹp sẽ đến với đời sống tự do tín ngưỡng tôn giáo trên mảnh đất miền Nam.

Tính đến ngày 19 tháng 5 năm 1955 chấm dứt cuộc di cư vĩ đại, trong vòng 300 ngày đã có trên triệu người miền Bắc bỏ xứ, tỵ nạn Cộng-Sản, vô Nam tìm tự do. Song song chương trình định cư của chánh phủ miền Nam, toàn thể công viên chức trong tỉnh, đáp ứng lời kêu gọi của thủ tướng Ngô Đình Diệm, gia nhập vào

các đoàn thể như: Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, Thanh Niên Thanh Nữ Cộng Hoà...v...v... đều tình nguyện giúp đỡ ban đầu cho các trung tâm định cư, xây dựng hạ tầng cơ sở. Các đoàn thể được phân công phân việc như: Khai hoang phá rừng, tạo đất cho canh tác trồng trọt, canh tân nông nghiệp, đào giếng lấy nước cho sinh hoạt đời sống hằng ngày của dân.

Về văn hoá thì có sách báo, hợp tác giữa người miền Bắc di cư và người miền Nam xây dựng nền tự do báo chí, cùng cạnh tranh góp ý làm tốt trong xã hội.

Về tuyên truyền, chánh phủ thường xuyên tổ chức những buổi chiếu phim lộ thiên cho đông bào xem để hiểu biết về vệ sinh, chống bịnh tật trong đời sống, sự tiến bộ về hoạt động văn hoá, giáo dục trong xã hội, tin tức thời sự trên thế giới tự do, người dân tự do bài tỏ tư tưởng, tự do tài sản riêng tư, tự do đi theo đạo Công-Giáo, Phật-Giáo, có đời sống thoải mái khác biệt với người dân sống kèm kẹp dưới chế độ Cộng-Sản nơi miền Bắc.

Về giáo dục, chánh phủ cho xây thêm trường học cấp tiểu và trung học về tận thôn xã, cung cấp học vụ, tuyển thêm giáo viên xung phong về các trung tâm định cư.

Theo thời gian, cứ theo sự cần cù lao động và khéo léo của đồng bào, nhờ đó mà đời sống của họ hội nhập vào xã hội miền Nam được ổn định và tiến bộ rất nhanh.

Đất Biên-Hoà thêm người du nhập từ miền ngoài, đợt di cư 1954 không phải là lần đầu. Vào những năm 1920, thời còn là thuộc địa của Pháp, có nhiều Công Ty Đất Đỏ và Đông Dương của tư bản Pháp, khai hoang khẩn đất khắp vùng Đông-Bắc, Biên-Hoà để lập đồn điền cao su, mỗi cơ sở cao su lớn rộng hàng ngàn mẫu Tây;

do đó có phong trào tuyển hàng ngàn người dân từ miền Bắc, vào làm công nhân cho các đồn điền cao su nơi đất mới này.

Người dân lập lên làng xã, có chợ, có bệnh xá, có trường học, nhà Thờ Công-Giáo, có chùa Phật-Giáo. Lúc ban đầu do chương khí rừng sâu nước độc, sanh bệnh rét rừng gây nên nhiều người chết. Dân kinh sợ quá, bỏ trốn tìm nơi an toàn để sống, có nhiều người bị Pháp bắt lại, đánh đập đem giam giữ, lý do là bị tội bội ước hợp đồng, sang đoạt tiền công đã lãnh trước.

Về sau, về lâu về dài, tình trạng bệnh rét rừng được chấn chỉnh tốt, công nhân ở sở cao su có đời sống tốt hơn. Họ được cho học tiếng Pháp, làm việc như công chức ăn lương, lâu năm rành nghề được lên lương, lên chức. Ngày càng phát triển, tạo nên thành làng xã trù phú là Bình-Sơn, Bình-Giả (Long-Thành). Để ghi nhớ công đức tổ tiên, tại Bình-Sơn vào những năm 1930, dân trong xã có xây một đền thờ Đức Ông Trần Hưng Đạo.

Tỉnh Biên-Hoà, đến cuối năm 1954 thì số người dân nhập cư từ miền Bắc sau hiệp định Genève, được 60 ngàn người, họ được bố đi khắp các nơi trong tỉnh, sau khi tập trung tại trạm tam cư Hồ-Nai, như sau:

- **Công-Thanh:** Thái-Hung, Đồng-Lách, Trị-An, Lạc-An.
- **Dĩ-An:** An-Bình, Đông-Hà.
- **Đức-Tu:** Bùi-Tiến, Hồ-Nai, Phúc-Hải, Tân-Mai I, Tân-Mai II, Tam-Hiệp.
- **Long-Khánh:** Bùi-Chu, Phát-Diệm, Gia-Kiệm (Tân-Phú), Xuân-Lộc, Túc-Trung, Dốc-Mơ.
- **Long-Thành:** Phước-Tân, Thái-Lạc, Liên-Kim-Sơn, Bình-Sơn, Bình-Giả.

– **Nhơn-Trạch:** An-Viễn, Hang-Nai, Phước-Kiêng, Phước-Khánh.

Số người dân đã định cư tại tỉnh Biên Hòa, tiến hành tái tạo đời sống trên đà phát triển, nhờ vào sự nỗ lực và sự khéo léo của nhiều ngành nghề khác nhau, không bao lâu ở những khu vực của người di cư bắt đầu xây chợ, nhóm chợ thường xuyên.

Gần như là chợ Kẽ-Sắt (Hố-Nai), nhìn vào hàng hoá họ sản xuất ra mới thấy được sự ổn định của họ thật sự rất nhanh. Cây rừng sẵn có, gỗ tốt, quý giá, thêm vào đôi tay nghệ thuật của người dân di cư ở Hố-Nai và Thái-Bình, ở đây nổi lên nhiều tiệm sản xuất, bài bán hàng gỗ gia dụng như: bàn ghế, giường, tráp, các loại tủ, nhiều loại nhiều kiểu đẹp. Đồ mộc nơi đây nổi tiếng đến độ nhiều địa phương khác muốn mua đồ mộc, phải tìm đến Hố-Nai và Thái-Bình (Biên-Hoà).

Tỉnh Biên-Hoà thêm người thêm việc, sinh hoạt đời sống kinh tế có đà tiến hơn, vật giá rẻ hơn. Hàng hoá, các quán ăn hằng ngày ở các chợ lẻ, thức ăn ngon giá lại rẻ không thua kém chợ chánh tỉnh lỵ Biên-Hoà.

Tỉnh cũng tổ chức nhiều quán cơm xã hội, để phục vụ giúp đỡ cho lớp công nhân lao động và công chức có đồng lương thấp, với giá bình dân là hai món mặn, một món canh chỉ 5 đồng bạc, cơm cũng như nước uống thì không hạn chế, khỏi trả tiền. Hủ tiêu, mì giá chỉ có 3 đồng một tô, muốn ăn ngon hơn, thêm thịt, thêm nước lèo thì 4 đồng một tô, một chai bia lớn “La-ve La-Ru” chỉ có 3 đồng.

Lúc này (54-55) món “Phở” theo người dân miền Bắc, mới du nhập vào Nam, còn xa lạ với khẩu vị người dân góc địa phương, Phở bắt đầu từ Hồ-Nai, Kẻ-Sặt, rồi sau đó vào những ngày tháng của năm 1955 trở đi, các đường phố trong tỉnh lộ xuất hiện một xe “Phở” đầu tiên, hàng đêm cùng cạnh tranh với các xe mì hủ tiếu của mấy ông Hoa-Kiều: Châu-Ký, Châu-Phát, Chú Mừng...

Ban đầu xe phở xuất hiện trên chiếc xe “ba-gát” với một thùng nước sôi với nước “lèo”, linh kính với tô, bát, đũa, lưng lửng vài xâu thịt bò đỏ tươi, vài xâu gân bò nấu chín róm mỡ vàng ánh. lác lơ treo trên mấy cây kèo nóc mui xe, cứ như vậy ông đi quanh đường phố “Phở! Phở! Phở”. Đôi khi ông dùng một thanh gỗ thân tre già lán bóng, gõ “Kắt...kẹp...” liên hồi cho đỡ mệt hơi mà tiếng rao hàng lại vang đi xa hơn.

Ban đầu lạ, một người, rồi hai người rồi mỗi khi nghe “phở...phở...phở...” hoặc tiếng vang “kắt kẹp” thành thói quen với “tín hiệu”, bà con xách tô đến tìm ông, để có được tô phở, nước lèo nóng hôi bốc hơi mùi thơm kỳ lạ phát thềm, làm đói bụng...

Ông Phở có lẽ lớn tuổi, hoặc có vốn, ngưng cong lưng đạp chiếc xe nặng nề mà lại không đủ món gia vị hơn, nên ông mở tiệm của chính ông “Phát-Lợi” đường Trinh Hoài Đức. Tiệm của ông đông khách hai miền chiếu cố, đúng là ông khéo chọn tên, rõ ràng ông đang Phát, Lợi.

Theo đà tiệm phở Phát-Lợi, nhiều tiệm phở mọc lên trên đường phố trong tỉnh lộ Biên-Hoà như Hoàng-Oanh, Huỳnh-Cửa, Tàu-Bay...; tuy nhiên, về sau các tiệm càng khám phá nghiên cứu có nhiều món phở tiến bộ, hợp khẩu vị, ngon hơn: Phở bò, phở tái,

phở bò vò viên, phở bò tái gân sụn, phở tái chín, phở tái nạm gầu, phở lá sách, phở bò kho, phở hải sản, phở gà, phở áp chảo...

Vì sự đương lên, cho nên tiệm phở càng cạnh tranh, nhờ vậy mà thực khách càng có nhiều món phở ngon. Bây giờ dân hai miền có cả mì, cả hủ tiếu lẫn phở rất tiện lợi cho ăn sáng ăn trưa, ăn tối, ăn khuya.

Về đồng lương có sự sai biệt: Thấp nhất của anh lính tân binh quân dịch là 900 đồng một tháng; lương giáo viên, công chức bậc I là 1 ngàn 500 đồng một tháng. Tuy ở vào thời kỳ di cư thêm người, nhưng giá nhà không cao, một căn nhà vách ván (gỗ) lợp bằng tấm tôn (thiết), có mặt bằng diện tích cỡ 04m x 20m giá độ 30 ngàn đồng. Đối với dân có đồng thu nhập thấp, cần kiệm cũng có khả năng tạo nên một mái ấm gia đình hạnh phúc.

(Trích từ quyển Biên-Hoà Sử-Lược của Lương Văn Lựu)